

DOI: 10.58490/ctump.2024i82.3194

**KIẾN THỨC VỀ THUỐC TRÁNH THAI KHẨN CẤP CỦA SINH VIÊN
ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH****Nguyễn Hồng Thắm^{1*}, Đỗ Thị Hà², Nguyễn Lê Anh Khuông³**

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

*Email: nguyenhongthamdhypnt@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/10/2024

Ngày phản biện: 29/11/2024

Ngày duyệt đăng: 25/12/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Thuốc tránh thai khẩn cấp là biện pháp quan trọng giúp phụ nữ ngăn ngừa nguy cơ mang thai ngoài ý muốn sau khi quan hệ không bảo vệ hoặc khi các biện pháp tránh thai khác thất bại. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế cho thấy sinh viên có kiến thức hạn chế về thuốc, điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải nâng cao hiểu biết về thuốc tránh thai khẩn cấp trong cộng đồng sinh viên. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả kiến thức và phân tích tỷ lệ kiến thức chung giữa nhóm sinh viên chưa từng và đã từng sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang trên 500 sinh viên nữ điều dưỡng, sử dụng bộ câu hỏi tự điền, ẩn danh. Dữ liệu được nhập bằng Epidata 3.1 và phân tích bằng SPSS 27.0. **Kết quả:** 97,8% sinh viên đã nghe về thuốc tránh thai khẩn cấp, 12,6% từng quan hệ tình dục và 4,8% đã từng sử dụng thuốc. Đáng lo ngại, 85,6% sinh viên có kiến thức chưa tốt về thuốc. Kiến thức sinh viên còn hạn chế về tác hại khi dùng thuốc 79,0%, tác dụng phụ 74,4%, thời điểm sử dụng 61,8% và hiệu quả tránh thai 53,2%. Đặc biệt, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ kiến thức chung giữa nhóm sinh viên đã từng và chưa từng sử dụng thuốc $p=0,01$. **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy kiến thức tốt về thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên nữ điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch vẫn còn hạn chế, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ kiến thức chung và hành vi sử dụng thuốc của sinh viên.

Từ khóa: Thuốc tránh thai khẩn cấp, biện pháp tránh thai khẩn cấp, kiến thức về thuốc tránh thai khẩn cấp, sinh viên điều dưỡng.

ABSTRACT**KNOWLEDGE OF EMERGENCY CONTRACEPTIVE PILLS
AMONG NURSING STUDENTS AT PHAM NGOC THACH
UNIVERSITY OF MEDICINE****Nguyen Hong Tham^{1*}, Do Thi Ha², Nguyen Le Anh Khuong³**

Pham Ngoc Thach University of Medicine

Background: Emergency contraceptive pills are a crucial method for helping women prevent unintended pregnancies after unprotected intercourse or when other contraceptive methods fail. Nevertheless, various national and international studies reveal that students often lack adequate knowledge about these medications, underscoring the pressing need to improve their understanding of emergency contraceptive pills within the student population. **Objectives:** To describe knowledge and analyze the general knowledge ratio between nursing students who had never used and those who had previously used emergency contraceptive pills. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted with 500 female nursing students, using a self-administered anonymous questionnaire. Data were entered using Epidata 3.1 and analyzed with SPSS 27.0. **Results:** The study revealed that 97.8% of students had heard of emergency contraceptive pills, 12.6% had engaged in sexual intercourse, and only 4.8% had ever used the

*medication. Alarmingly, 85.6% of students possessed inaccurate knowledge about the drug. Their understanding was particularly limited regarding the harms of frequent use 79.0%, side effects 74.4%, timing of administration 61.8%, and contraceptive effectiveness 53.2%. Notably, there was a statistically significant difference in the rate of general knowledge between students who had used drugs and those who had not $p=0.01$. **Conclusions:** The study found that good knowledge of emergency contraceptive pills among female nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine remains limited. There was a statistically significant difference in the level of general knowledge between the group that had used drugs and the group that had not.*

Keywords: Emergency contraceptive pills, emergency contraception, knowledge of emergency contraceptive pills, nursing students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc tránh thai khẩn cấp (TTKC) được áp dụng cho phụ nữ sau khi quan hệ không bảo vệ hoặc khi các biện pháp tránh thai (BPTT) khác thất bại như rách bao cao su, quên uống thuốc tránh thai hằng ngày, tiêm thuốc muộn, hoặc trong trường hợp bị tấn công tình dục, nhằm ngăn ngừa nguy cơ mang thai ngoài ý muốn [1]. Tại Việt Nam, sinh viên đại học thường trong độ tuổi từ 18 đến 24 tuổi, nhóm tuổi có xu hướng khám phá tình dục, nhưng lại e ngại việc thừa nhận quan hệ tình dục khi chưa kết hôn.

Ngoài ra, kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê và quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF) giai đoạn 2020–2021 cho thấy, mang thai ngoài ý muốn là lý do phá thai hàng đầu, chiếm 53,6% các trường hợp [2]. Các nghiên cứu tại Việt Nam cũng ghi nhận tỷ lệ phụ nữ phá thai trong độ tuổi sinh viên cao, như tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai (2018) với 11,3% là học sinh – sinh viên [3], tại Bệnh viện Từ Dũ (2021) với 51,8% phụ nữ trong độ tuổi 18-25 tuổi [4] và tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (2022), sinh viên chiếm tỷ lệ phá thai cao nhất với 29,8% [5]. Những số liệu này phản ánh thực trạng sinh viên là nhóm có nguy cơ cao đối với mang thai ngoài ý muốn và phá thai. Các nghiên cứu quốc tế và trong nước đều cho thấy sinh viên có kiến thức hạn chế về thuốc TTKC. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, 85,6% sinh viên không biết thời điểm hiệu quả nhất để sử dụng thuốc TTKC [6], trong khi nghiên cứu tại Việt Nam chỉ 2% sinh viên biết chính xác thời điểm sử dụng thuốc [7]. Từ đó, có thể thấy kiến thức đúng về thuốc TTKC của sinh viên vẫn chưa đạt yêu cầu, đòi hỏi cần có các biện pháp can thiệp giáo dục hiệu quả.

Mặc dù trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về kiến thức của sinh viên về thuốc TTKC. Nhưng tại Việt Nam, đặc biệt trong các trường Đại học Y, nghiên cứu này còn hạn chế. Tại Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, vấn đề này chưa được nghiên cứu nhiều. Hiện nay, chưa có quy định bắt buộc về giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho học sinh – sinh viên một cách đồng bộ và toàn diện trong nhà trường [8]. Do đó, nghiên cứu này “Kiến thức về thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch” được thực hiện với hai mục tiêu: 1) Mô tả kiến thức của sinh viên điều dưỡng về thuốc tránh thai khẩn cấp. 2) Phân tích tỷ lệ kiến thức chung giữa nhóm sinh viên điều dưỡng chưa từng và đã từng sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp. Kết quả nghiên cứu này nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc triển khai các hoạt động giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức về thuốc TTKC cho sinh viên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01/2024 đến hết tháng 08/2024 tại Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên nữ cử nhân điều dưỡng và cử nhân điều dưỡng các chuyên ngành từ năm 1 đến năm 4 đang học tập tại Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm học 2023-2024. Sinh viên tự nguyện, đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên vắng mặt trong thời gian tiến hành khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả ước tính tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: Cỡ mẫu nghiên cứu là n ; Độ tin cậy 95% là $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$;

Sai số chuẩn $d = 0,05$.

Vì chúng tôi chọn $p = 0,53$ theo tác giả Bobby Kgosiemang (2018) [9] cho nghiên cứu của chúng tôi nên cỡ mẫu tối thiểu cần khảo sát là 383 mẫu. Chúng tôi tiến hành khảo sát hết toàn bộ sinh viên nữ điều dưỡng tại Khoa, sau khi trừ đi 30 mẫu thử, tỷ lệ sinh viên nữ tham gia đạt 500 sinh viên (tỷ lệ 94,3%).

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện. Sau khi được sự đồng ý của cố vấn học tập, giảng viên đứng lớp, theo thời khóa biểu được cung cấp, chúng tôi phối hợp với ban cán sự từng lớp, chọn thời gian thích hợp để khảo sát. Chúng tôi khảo sát tất cả các sinh viên có mặt trong lớp học tại thời điểm nghiên cứu và chỉ tiến hành điều tra ngoài giờ học của sinh viên (đầu giờ), hạn chế ảnh hưởng đến quá trình học tập của lớp.

- **Công cụ thu thập số liệu:** Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền, ẩn danh đối tượng tham gia, yêu cầu đối tượng nghiên cứu ngồi cách nhau để hạn chế sai số. Phiếu khảo sát bao gồm 15 câu hỏi, chia thành hai phần:

Phần A gồm đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (08 câu hỏi).

Phần B gồm kiến thức của sinh viên về thuốc tránh thai khẩn cấp (07 câu hỏi).

Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu sai hoặc không biết được 0 điểm. Sinh viên được đánh giá có kiến thức tốt khi đạt $\geq 80\%$ tổng điểm ($\geq 5,6$ điểm) và kiến thức chưa tốt khi $< 80\%$ tổng điểm ($< 5,6$ điểm).

- **Xử lý số liệu:** Số liệu sau khi thu thập sẽ được làm sạch. Sử dụng phần mềm Epidata 3.1 để nhập liệu và quản lý số liệu. Sử dụng phần mềm IBM SPSS 27.0 để xử lý và phân tích số liệu.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu viên giải thích rõ ràng về mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu cho đối tượng nghiên cứu biết. Các đối tượng tự nguyện, đồng ý tham gia nghiên cứu. Kết quả và thông tin trong quá trình nghiên cứu được bảo mật. Nghiên cứu này chỉ nhằm phục vụ sức khỏe cộng đồng, không sử dụng cho mục đích nào khác.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

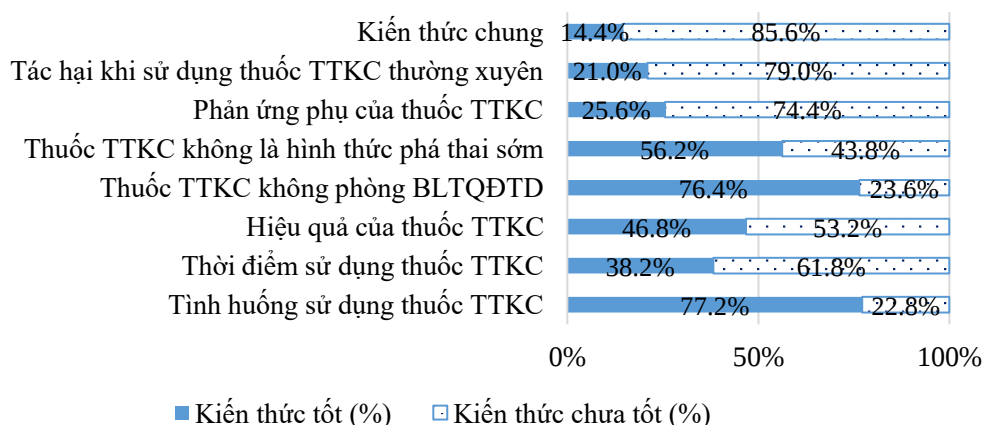
Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu theo các yếu tố

Biến số	Tần số (%) hoặc Trung vị (IQR)	Biến số	Tần số (%) hoặc Trung vị (IQR)
Tuổi (năm)	20 (3,0)	Tham gia khóa học sức khỏe sinh sản	
Dân tộc		Chưa từng	235 (47,0)
Kinh	458 (91,6)	Đã từng	265 (53,0)
Hoa	35 (7,0)	Nghe về thuốc tránh thai khẩn cấp	
Khác	7 (1,4)	Chưa từng	11 (2,2)
Tôn giáo		Đã từng	489 (97,8)
Phật giáo	103 (20,6)	Quan hệ tình dục	
Thiên Chúa giáo	70 (14,0)	Chưa từng	437 (87,4)
Không theo tôn giáo	312 (62,4)	Đã từng	63 (12,6)
Khác	15 (3,0)	Sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp	
Năm học		Chưa từng	476 (95,2)
Năm 1	158 (31,6)	Đã từng	24 (4,8)
Năm 2	125 (25,0)		
Năm 3	101 (20,2)		
Năm 4	116 (23,2)		

Ghi chú: IQR: khoảng tứ phân vị.

Nhận xét: Bảng 1 trình bày một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu theo các yếu tố. Kết quả thống kê cho thấy trung vị tuổi của đối tượng nghiên cứu là 20 tuổi. Dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ cao nhất (91,6%). Đa số đối tượng nghiên cứu không theo tôn giáo chiếm tỷ lệ (62,4%). Xét về trình độ học vấn, sinh viên năm nhất có tỷ lệ tham gia nghiên cứu cao nhất (31,6%). Hơn một nửa đối tượng đã từng tham gia khóa học sức khỏe sinh sản chiếm tỷ lệ (53,0%). Hầu hết các đối tượng đã nghe về thuốc tránh thai khẩn cấp chiếm tỷ lệ (97,8%). Đáng chú ý, tỷ lệ đối tượng đã từng quan hệ tình dục là (12,6%). Trong số đó, sinh viên đã từng sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp chiếm tỷ lệ (4,8%).

3.2. Kiến thức của sinh viên về thuốc tránh thai khẩn cấp



Biểu đồ 1. Tỷ lệ kiến thức của sinh viên về thuốc tránh thai khẩn cấp

Ghi chú: TTKC: Tránh thai khẩn cấp; BLTQĐTD: bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Nhận xét: Biểu đồ 1 trình bày tỷ lệ kiến thức của sinh viên về thuốc TTKC. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên có hiểu biết đúng về tình huống sử dụng thuốc TTKC (77,2%) và nhận thức được rằng thuốc TTKC không có tác dụng phòng ngừa BLTQĐTD (76,4%). Hơn một nửa sinh viên hiểu đúng về thuốc TTKC không phải là phương pháp phá thai sớm (56,2%). Tuy nhiên, kiến thức về hiệu quả của thuốc TTKC, sinh viên trả lời chính xác dưới mức trung bình (46,8%). Đáng chú ý, phần lớn sinh viên chưa nắm rõ về tác hại của việc sử dụng thuốc (79,0%), thiếu hiểu biết về các phản ứng phụ (74,4%) và thời điểm sử dụng thuốc (61,8%). Ngoài ra, kết quả còn cho thấy kiến thức chung của sinh viên về thuốc TTKC phần lớn là chưa tốt chiếm tỷ lệ (85,6%).

3.3. Tỷ lệ kiến thức chung về thuốc tránh thai khẩn cấp theo các yếu tố

Bảng 2. Tỷ lệ kiến thức chung về thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên theo các yếu tố

Biến số	Tuổi	Dân tộc	Tôn giáo	Năm học	Tham gia khóa học SKSS	Nghe về thuốc TTKC	Quan hệ tình dục	Sử dụng thuốc TTKC
KT chung	p=0,53	p=1,00	p=0,42	p=0,46	p=1,00	p=0,38	p=0,18	p=0,01

Ghi chú: KT: Kiến thức, SKSS: Sức khỏe sinh sản, TTKC: Tránh thai khẩn cấp.

Nhận xét: Bảng 2 trình bày tỷ lệ kiến thức chung về thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên theo các yếu tố. Kết quả kiểm định thống kê Chi-bình phương (kiểm định χ^2) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ kiến thức chung giữa nhóm sinh viên chưa từng và nhóm sinh viên đã từng sử dụng thuốc TTKC (p=0,01).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức của sinh viên về thuốc tránh thai khẩn cấp

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 97,8% sinh viên nữ điều dưỡng đã từng nghe về thuốc TTKC, cao hơn nhiều so với nghiên cứu tại Đại học Kathmandu, Nepal năm 2009 (68%) [10] và nghiên cứu của Thùy Linh năm 2022 (57%) [11]. Sự khác biệt này có thể giải thích bởi sự phát triển vượt bậc của thời đại 4.0 và trí tuệ nhân tạo, vì chỉ một thiết bị thông minh, sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận thông tin thông qua Internet và mạng xã hội. Tỷ lệ sinh viên biết về thuốc TTKC thông qua Internet trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm đến 91,0%. Tuy nhiên, việc sử dụng mạng xã hội như nguồn thông tin chính có thể dẫn đến sự thiếu chính xác và thiếu cập nhật, do sinh viên chưa có khả năng phân biệt giữa nguồn dữ liệu từ mạng xã hội và các cơ sở dữ liệu khoa học, nơi thông tin được kiểm chứng và cập nhật thường xuyên. Điều này giải thích tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về thuốc TTKC chỉ đạt 14,4%, thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Mai Lan (2019) là 30,5% [12] và tác giả Đào Anh Sơn (2020) là 32,7% [13].

Ngoài ra, bốn câu hỏi sinh viên trả lời không chính xác bao gồm tác dụng phụ của thuốc TTKC (74,4%), tác hại khi sử dụng thuốc thường xuyên (79,0%), thời điểm sử dụng thuốc (61,8%) và hiệu quả tránh thai của thuốc (53,2%). Điều này cho thấy sinh viên chưa nắm bắt đầy đủ về cơ chế và rủi ro khi sử dụng thuốc TTKC. Thêm vào đó, chúng tôi đã sử dụng ngưỡng cắt kiến thức ở mức 80% để đánh giá mức độ tốt về kiến thức, thay vì mức độ đạt 60% hoặc 50% như các nghiên cứu trước đây. Điều này khiến tiêu chí đánh giá kiến thức trở nên khắt khe hơn và có thể dẫn đến kết quả thấp hơn. Qua đó, cho thấy nghiên cứu của chúng tôi phản ánh chính xác hơn về chất lượng hiểu biết sâu sắc và toàn diện của sinh

viên, từ đó đưa ra khuyến nghị về nhu cầu đào tạo thêm, giúp sinh viên tiếp cận thông tin từ các nguồn khoa học đáng tin cậy và cập nhật kiến thức mới nhất.

4.2. Tỷ lệ kiến thức chung về thuốc tránh thai khẩn cấp theo các yếu tố

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ kiến thức chung giữa sinh viên đã từng và chưa từng sử dụng thuốc TTKC. Sinh viên đã từng sử dụng thuốc có kiến thức tốt hơn, phù hợp với nghiên cứu tại Ethiopia năm 2019, trong đó kiến thức được xác định là yếu tố quyết định chính trong việc sử dụng thuốc TTKC [14]. Nghiên cứu của tác giả Leon-Larios năm 2022 cũng cho thấy sinh viên từng sử dụng thuốc TTKC đạt điểm kiến thức cao hơn [15]. Việc sử dụng thuốc thực tế giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cơ chế, cách sử dụng và tác dụng phụ, tạo ra mối liên hệ chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Ngược lại, sinh viên chưa từng sử dụng thuốc, có thể gặp khó khăn trong việc chuyển đổi kiến thức lý thuyết thành thực hành hiệu quả, dẫn đến sự thiếu tự tin khi sử dụng thuốc. Điều này nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc cung cấp chương trình giáo dục sức khỏe sinh sản cập nhật cho sinh viên, đặc biệt từ các nguồn dữ liệu khoa học đáng tin cậy để nâng cao khả năng áp dụng vào thực tiễn, đảm bảo sử dụng thuốc TTKC an toàn và đúng cách.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức tốt về thuốc TTKC của sinh viên nữ điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch còn hạn chế. Đáng chú ý, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ kiến thức chung giữa nhóm sinh viên đã từng và chưa từng sử dụng thuốc TTKC. Do đó, nhà trường cần triển khai các sáng kiến về truyền thông và giáo dục sức khỏe sinh sản cho sinh viên, nhằm nâng cao kiến thức về thuốc tránh thai khẩn cấp và giảm nguy cơ mang thai ngoài ý muốn dẫn đến phá thai. Bên cạnh đó, thư viện trường cần duy trì và nâng cao hiệu quả tra cứu dữ liệu khoa học giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và cập nhật kiến thức chính xác về thuốc TTKC cũng như các biện pháp tránh thai khác, một trong những hành động thiết thực và quan trọng cần được duy trì và đẩy mạnh một cách thường xuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ y tế. Quyết định số 4128/QĐ-BYT. Tài liệu Hướng dẫn quốc gia và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. 2016. 313-315.
2. Tổng cục Thống kê và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF). Việt Nam SDG CW. Tránh thai; Nhu cầu không được đáp ứng về kế hoạch hóa gia đình. 2020-2021. 7-9.
3. Nguyễn Vũ Khánh, Tô Mai Xuân Hồng. Kiến thức - thái độ - thực hành về thuốc viên tránh thai phối hợp, dụng cụ tử cung và bao cao su của phụ nữ đến phá thai tại bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*. 2018. 22(1), 150-153.
4. Phạm Quang Nhật, Lê Quang Thanh, Ngô Thị Yên, Vương Thị Ngọc Lan. Hiệu quả và an toàn của phác đồ phá thai nội khoa dùng Mifepristone và Misoprostol ở thai 9-12 tuần tại bệnh viện Từ Dũ. *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*. 2022. 26(1), 58-64.
5. Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Trần Thị Thanh Thủy, Lê Thị Thu. Thực trạng sử dụng biện pháp tránh thai trong nhóm phụ nữ mang thai ngoài ý muốn đến phá thai tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2020 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí y học Việt Nam*. 2022. 520(1A), 73-78.
6. Asut O, Vaizoglu S, Cali S, Ozenli O, Gur G, et al. The knowledge and perceptions of the first year medical students of an International University on family planning and emergency contraception in Nicosia (TRNC). *BMC women's health*. 2018. 18(1), 1-11, doi: 10.1186/s12905-018-0641-x.

7. Nguyễn Thanh Phong. Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường đại học/cao đẳng thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp. Trường Đại học Y Hà Nội. 2017. 213.
 8. Bộ y tế. Quyết định số 3781/QĐ-BYT. Quyết định về việc ban hành “Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025”. 2020. 1-26.
 9. Kgosiemang B, Blitz J. Emergency contraceptive knowledge, attitudes and practices among female students at the University of Botswana: A descriptive survey. *African journal of primary health care and family medicine*. 2018. 10(1), e1-e6, doi:10.4102/phcfm.v10i1.1674.
 10. Adhikari R. Factors affecting awareness of emergency contraception among college students in Kathmandu, Nepal. *BMC women's health*. 2009. 9-27, doi:10.1186/1472-6874-9-27.
 11. Võ Thị Thùy Linh. Kiến thức về một số biện pháp tránh thai và các yếu tố liên quan của sinh viên Khoa Y – Dược, trường Đại học Trà Vinh. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022. 48, 136-141.
 12. Nguyễn Thị Mai Lan. Kiến thức, thái độ về viên thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên nữ tại trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2019 và một số yếu tố liên quan. Trường Đại học Y Hà Nội. 2019. 73.
 13. Đào Anh Sơn, Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Trịnh Khánh Linh, Trần Thị Hương Trà, Vũ Thị Nhung. Kiến thức, thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp của nữ sinh viên đại học tại Hà Nội năm 2019. *Tạp chí nghiên cứu y học*. 2020. 126(2), 138-145.
 14. Mishore KM, Woldemariam AD, Huluka SA. Emergency Contraceptives: Knowledge and Practice towards Its Use among Ethiopian Female College Graduating Students. *International journal of reproductive medicine*. 2019. Article ID 9397876, 1-8, doi:10.1155/2019/9397876.
 15. Leon-Larios F, Ruiz-Ferron C, Jalon-Neira RM, Praena-Fernández JM. Nursing Students' Knowledge, Awareness, and Experiences of Emergency Contraception Pills' Use. *Journal of clinical medicine*. 2022. 11(2), 1-10, doi:10.3390/jcm11020418.
-